

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 04 /2021/DS-ST

Ngày: 26 – 02 – 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Xuân Thiều

Bà Lương Thị Thu An

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nở – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2020/TLST-DS ngày 27/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXX-ST ngày 12/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST – DS ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hà Thị Y**, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp 3, thị trấn C1, huyện C , tỉnh Bình Phước (có mặt)

Bị đơn: Anh **Vũ Ngọc T**, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: ấp 3A, xã M, huyện C , tỉnh Bình Phước (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Hà Thị Y trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 07 tháng 10 năm 2019 bà Y có cho ông Vũ Ngọc T vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay có làm hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Gia Khang, số công chứng 00013652, ngày 07/10/2019 với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 07/10/2019. Khi ký hợp đồng tại Văn phòng công chứng thì bà Y đã giao tiền cho anh T vào ngày 07/10/2019,

tuy nhiên trong hợp đồng công chứng ghi sai ngày thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 05/10/2019. Sau khi vay tiền được 01 tháng thì ngày 04/11/2019 anh T chuyển khoản cho bà Y số tiền 10.000.000 đồng để trả tiền lãi 01 tháng đầu kể từ ngày vay và trả trước 04 tháng tiền lãi của tháng tiếp sau. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay thì anh T chưa trả cho bà Y được khoản tiền gốc nào mà chỉ trả được cho bà Y số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/3/2020, mức lãi suất 1%/tháng. Mặc dù đã quá thời gian trả nợ như trong hợp đồng vay tiền và bà Y cũng đã nhiều lần liên hệ gặp anh T để yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T vẫn không trả tiền cho bà Y. Do đó, nay bà Y khởi kiện yêu cầu anh T có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền gốc đã vay 200.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 07/3/2020 đến ngày khởi kiện là ngày 26/10/2020, với mức lãi suất 1%/tháng. Trước đây trong đơn khởi kiện bà Y có ghi yêu cầu anh T trả tiền lãi với số tiền 23.000.000 đồng là chưa chính xác do bà Y tính toán sai.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bà Y cung cấp các tài liệu chứng cứ: Hợp đồng vay tiền ngày 07/3/2019 (bản gốc); bản sao kê giao dịch tài khoản tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-chi nhánh Chơn Thành (bản sao)

Trong quá trình giải quyết bị đơn anh Vũ Ngọc T trình bày:

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS, tuân thủ các quy định pháp luật về thủ tục nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ việc; xác định tư cách tham gia tố tụng; Thu thập chứng cứ; Thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thủ tục tổng đạt.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 27/10/2020 Tòa án thụ lý vụ án, đến ngày 12/01/2021 ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm là đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS; Quyết định đưa

vụ án ra xét xử: Nội dung và hình thức đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 220 BLTTDS 2015. Chuyển hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy: Theo lời trình bày và hợp đồng vay tiền do nguyên đơn bà Hà Thị Y cung cấp thể hiện ngày 07/10/2019 bà Y có cho ông Vũ Ngọc T vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 01 năm, số tiền bà Y cho ông T vay là tài sản riêng của bà Y, ông T vay với mục đích sử dụng cá nhân ông T, “việc giao nhận tiền do hai bên thực hiện ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên và khi giao nhận tiền hai bên làm biên nhận riêng”.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Y cho rằng ông T đã trả cho bà được 05 tháng tiền lãi với số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/3/2020. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện bà Y cho rằng ông T chỉ mới trả được 01 tháng tiền lãi và không trả nữa là có mâu thuẫn. Xét về hình thức hợp đồng vay tiền giữa bà Y và ông T được công chứng là hợp pháp. Về nội dung hợp đồng vay tiền, theo bà Y việc bà giao tiền cho ông T được thực hiện vào sáng ngày 07/10/2019 tại Văn phòng công chứng Gia Khang, không có người chứng kiến, không làm biên nhận, ông T đã nhận tiền thì ông T mới ký vào hợp đồng vay tiền. Như vậy, lời trình bày của bà Y không phù hợp với nội dung hợp đồng vay tiền như đã nêu trên, trong khi ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt để trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ, bà Y không có chứng cứ chứng minh việc đưa tiền cho ông T. Điều này cho thấy giữa bà Y và ông T không thực hiện đúng như thỏa thuận trong hợp đồng, không có chứng cứ thể hiện ông T có nhận tiền trực tiếp từ bà Y hay không. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Y đối với ông T về số tiền gốc và lãi là không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 6, Điều 147 BLTTDS 2015; Điều 463,464,45 BLDS 2015, Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi. Buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Y khởi kiện yêu cầu anh T có trách nhiệm trả số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng và lãi suất. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết : Do bị đơn anh Vũ Ngọc T có nơi cư trú tại Ấp 3A, xã M, huyện C , tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Vụ án phát sinh tranh chấp từ năm 2019 và căn cứ vào Điều 429 Bộ luật dân sự; Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn nên Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành thụ lý là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

[1.4]. Tư cách người tham gia tố tụng: Bà Hà Thị Y làm đơn yêu cầu khởi kiện anh Vũ Ngọc T nên căn cứ Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Y là nguyên đơn. Bị đơn anh Vũ Ngọc T tham gia với tư cách là bị đơn tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Đối với yêu cầu buộc anh T trả số tiền gốc 200.000.000 đồng: Căn cứ hợp đồng vay ngày 07/10/2019 có nội dung anh Vũ Ngọc T vay của bà Hà Thị Y số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 07/10/2019, hợp đồng có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bên vay anh Vũ Ngọc T, bên cho vay bà Hà Thị Y và được công chứng tại Văn phòng công chứng Gia Khang có công chứng tại Văn phòng công chứng Gia Khang, số công chứng 00013652. Như vậy, việc anh T có vay bà Y số tiền 200.000.000 đồng là đúng sự thật, tuy nhiên nay đã đến hạn hợp đồng vay nhưng anh T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Phía bị đơn anh Vũ Ngọc T không cung cấp chứng cứ gì chứng minh anh T đã trả cho bà Y số tiền nợ vay 200.000.000 đồng. Việc anh T vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì là đã mặc nhiên từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, hợp đồng vay tài sản thì Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu lãi suất: Nguyên đơn bà Y trình bày khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, tính từ ngày 07/10/2019, mức lãi suất 1%/tháng, anh T đã trả được tiền lãi từ ngày vay 07/10/2019 đến ngày 07/3/2020 với số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, nay bà Y yêu cầu anh T có trách nhiệm trả lãi suất từ ngày 07/3/2020 đến ngày khởi kiện là 26/10/2020 với mức lãi suất 1%/tháng. Căn cứ vào hợp đồng vay tiền cũng như trình bày của nguyên đơn thì có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi suất. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh việc trả lãi suất của mình. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn anh T phải trả lãi đối với khoản tiền vay là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi anh T đã trả cho bà Y được 10.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/3/2020 với mức lãi suất 1%/tháng. Mức lãi suất anh T đã trả cho bà Y là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quy định pháp luật.

Như vậy, số tiền lãi được chấp nhận là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} \times 1\% = 15.200.000 \text{ đồng}$ (Mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

[2.3]. Đối với vợ anh T. Theo nguyên đơn trình bày thì khi vay chỉ mình anh T hỏi vay và nhận tiền vay, bà Y cũng không yêu cầu vợ anh T có trách nhiệm trả tiền cho bà Y nên Hội đồng xét xử không xem xét tư cách tham gia tố tụng và nghĩa vụ của vợ anh Vũ Ngọc T.

Từ những nhận định ở các mục [2.1] đến [2.2] nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Vũ Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị Y tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là: $200.000.000 \text{ đồng tiền gốc} + 15.200.000 \text{ đồng tiền lãi suất} = 215.200.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn bà Hà Thị Y không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành có trách nhiệm trả lại cho bà Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.575.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002527 ngày 27/10/2020.

Bị đơn anh Vũ Ngọc T phải chịu án phí dân sự theo mức án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán cho bà Y là: $(215.200.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 10.760.000 \text{ đồng}$

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Y vì cho rằng trong hợp đồng vay tiền có ghi việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện ngoài sự chứng

kiến của Công chứng viên và khi giao nhận tiền hai bên làm biên nhận riêng. Tuy nhiên, bà Y không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh bà Y đã giao tiền cho anh T. Do đó, không có cơ sở để xác định anh T đã nhận số tiền vay của bà Thủy. Hội đồng xét xử xét thấy, khi giao tiền vay cho anh T thì bà Y không làm biên bản giao nhận nhưng sau thời gian vay đến ngày 04/11/2019 thì anh T đã chuyển khoản vào tài khoản của bà Hà Thị Y để trả số tiền lãi 10.000.000đồng, trong khi đó bà Y cũng trình bày ngoài khoản vay này thì anh T không vay khoản tiền nào khác. Như vậy, như đã nhận định tại mục [2.1] cũng như căn cứ vào nội dung chuyển khoản cho bà Y số tiền 10.000.000đồng (trả lãi) thì hoàn toàn có căn cứ xác định thì việc anh T có nhận số tiền vay 200.000.000đồng của bà Thủy là sự thật và anh T cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền vay cho bà Y. Do đó, quan điểm của Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 186, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Y.

1. Buộc anh Vũ Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho bà Hà Thị Y số tiền 215.200.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hà Thị Y không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành có trách nhiệm trả lại cho bà Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.575.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002527 ngày 27/10/2020. Bị đơn anh Vũ Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.760.000 đồng

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hà Thị Y có mặt tại phiên Tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn anh Vũ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Dương sự;
- Lưu.

Chu Thị Thu Hà